

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 35 Liên thông - Kế toán 1

Ngành : Kế toán

Năm học : 2011 - 2012

ĐVHT : 4

Hệ ĐT : Liên thông cao đẳng

Học Phần : Xác suất thống kê

Học Kỳ : 1

Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3510201001	Võ Thị Ngọc	Ánh	08/07/1990	4	5					4.50	1.35	7.00	4.90	6	Học lại
2	3510201002	Lê Minh	An	08/01/1986	4	6					5.00	1.50	1.00	0.70	2	Học lại
3	3510201003	Nguyễn Thị Hồng	Bích	20/12/1988	4	8					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
4	3510201004	Bùi Thị Kiều	Diễm	18/11/1989	2	6					4.00	1.20	4.00	2.80	4	
5	3510201005	Vũ Thị	Diễm	15/01/1990	3	6					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
6	3510201006	Trần Thị Thuỳ	Dương	01/09/1990	2	7					4.50	1.35	4.00	2.80	4	
7	3510201007	Mai Văn	Hải	19/02/1990	2	0					1.00	0.30	2.00	1.40	2	
8	3510201048	Phạm Thị	Hòa	15/03/1986	3	3					3.00	0.90	1.00	0.70	2	
9	3510201008	Phan Thị Thu	Huyền	12/05/1989	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
10	3510201009	Nguyễn Thị Oanh	Hương	04/01/1988	4	8					6.00	1.80	0.00	0.00	2	
11	3510201010	Nguyễn Thị Thùy	Hương	06/09/1988	4	8					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
12	3510201011	Huỳnh Thị Mỹ	Liên	01/10/1986	6	8					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
13	3510201012	Huỳnh Thị Kim	Loan	28/06/1988	6	8					7.00	2.10	4.00	2.80	5	
14	3510201013	Nguyễn Thị Yến	Ly	25/08/1988	4	7					5.50	1.65	8.00	5.60	7	
15	3510201014	Phan Thị	Mơ	20/05/1989	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
16	3510201015	Dương Kim	Ngân	16/09/1990	4	7					5.50	1.65	5.00	3.50	5	
17	3510201016	Hồ Thị Kim	Ngân	01/07/1990	5	7					6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
18	3510201017	Nguyễn Thị	Nhung	17/05/1988	5	8					6.50	1.95	3.00	2.10	4	Học lại
19	3510201018	Hồ Thị Hàng	Ni	22/03/1988	4	6					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
20	3510201019	Nguyễn Thị	Nở	02/10/1987	4	6					5.00	1.50	6.00	4.20	6	Học lại
21	3510201020	Đỗ Thị Hoàng	Oanh	13/05/1989	5	7					6.00	1.80	0.00	0.00	2	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3510201021	La Thị	Oanh	05/04/1987	4	3					3.50	1.05	6.00	4.20	5	Học lại
23	3510201022	Phạm Trung	Phong	14/05/1990	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
24	3510201023	Ngô Thị Tuyết	Phượng	17/08/1990	6	8					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
25	3510201024	Cao Thị	Phượng	10/07/1986	3	5					4.00	1.20	7.00	4.90	6	Học lại
26	3510201025	Đỗ Thị Kim	Phượng	23/02/1988	2	7					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
27	3510201026	Nguyễn Thị Cửa	Sương	24/03/1989	5	8					6.50	1.95	7.00	4.90	7	Học lại
28	3510201027	Nguyễn Thị Kim	Thanh	06/02/1987	4	6					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
29	3510201028	Nguyễn Thị Minh	Thắm	18/06/1988	4	8					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
30	3510201029	Huỳnh Thị Bích	Thảo	26/05/1989	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	
31	3510201030	Nguyễn Thị	Thiết	28/02/1988	3	7					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
32	3510201031	Bùi Thị	Thuận	29/03/1988	4	8					6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
33	3510201032	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/1986	7	5					6.00	1.80	4.00	2.80	5	Học lại
34	3510201033	Võ Thị Thanh	Thúy	27/03/1989	5	7					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
35	3510201034	Vũ Thị	Thúy	12/07/1990	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
36	3510201035	Lê Thị Thu	Thủy	06/08/1990	3	0					1.50	0.45	0.00	0.00	0	
37	3510201036	Nguyễn Phương Hồng	Thủy	16/08/1990	3	6					4.50	1.35	3.00	2.10	3	
38	3510201037	Lê Thị Huyền	Thương	14/12/1988	2	5					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
39	3510201038	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	28/03/1988	3	8					5.50	1.65	0.00	0.00	2	
40	3510201039	Nguyễn Thị Phượng	Trâm	27/08/1988	5	9					7.00	2.10	5.00	3.50	6	
41	3510201040	Trần Thị Thanh	Trúc	11/12/1990	7	7					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
42	3510201041	Hà Thanh	Tuấn	24/02/1988	5	5					5.00	1.50	7.00	4.90	6	Học lại
43	3510201042	Trần Thị Ngọc	Tuyền	31/07/1987	3	6					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
44	3510201043	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	03/05/1987	5	7					6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
45	3510201044	Tống Nữ Xuân	Uyên	12/11/1988	2	8					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
46	3510201045	Bùi Thị Thanh	Vân	11/10/1985	5	5					5.00	1.50	4.00	2.80	4	Học lại
47	3510201046	Nguyễn Thị Tường	Vi	11/09/1990	6	6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
48	3510201047	Nguyễn Thị Hải	Yến	22/07/1988	5	9					7.00	2.10	6.00	4.20	6	Học lại

Tổng: 48.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	4	8.3

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	11	22.9
Trung bình	19	39.6
Không đạt	14	29.2
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa